

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/DS-PT

Ngày: 01 – 3 – 2023

V/v tranh chấp “Đòi quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

Các Thẩm phán:

Ông Trương Thanh Dũng

Bà Giang Thị Cẩm Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 152/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp “Đòi quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2022/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 138/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1956 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Cai Đ, xã Châu Th, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu

- Bị đơn: Ông Lê Hoàng S, sinh năm 1954 (chết ngày 16/9/2022)

Địa chỉ: Ấp Phước Th 1, xã Long Th, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hoàng S:

1. Bà Lâm Thị M, sinh năm 1954 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Phước Th 1, xã Long Th, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

2. Chị Lê Thị Diễm L, sinh năm 1988. Địa chỉ: Trung Quốc (Không rõ địa chỉ cụ thể). Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Phước Th 1, xã Long Th, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Cao Thị Đ, sinh năm 1958. Địa chỉ: Ấp Cai Đ, xã Châu Th, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt)

2. Bà Lê Thị Hoàng M, sinh năm 1952. Địa chỉ: Ấp Tân L, xã Long Th, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Bà Lê Thị A, sinh năm 1946. Địa chỉ: Ấp Tân L, xã Long Th, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu (chết tháng 11 năm 2022, không chồng con).

4. Bà Lê Thị Hoàng O, sinh năm 1958. Địa chỉ: Ấp Tân L, xã Long Th, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

5. Bà Lê Thị Th, sinh năm 1938. Địa chỉ: Ấp Cây Đ, xã Long Th, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

6. Bà Ca Kim C, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp Cai Đ, xã Châu Th, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt)

- **Người kháng cáo:** Ông Nguyễn Văn A là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn A trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp với ông Lê Hoàng S là của cụ Nguyễn Văn Ngh và cụ Nguyễn Thị Ch (cha mẹ ruột ông A) khai phá, sử dụng từ năm 1955 đến nay, phần đất này nằm phía trước nhà ông A, hiện trạng là đất biên bãi ven sông, cụ Ngh đào 01 con mương để ghe xuống ra vào thuận tiện cho sinh hoạt gia đình; trên đất có trồng một số cây trồng như tre, me, dừa và một số cây tạp khác, diện tích khoảng 907m². Khi cụ Ngh và cụ Ch chết để lại phần đất này cho ông A, bà Đ sử dụng đến năm 2020, khi ông A nạo vét đất dưới đường mương này thì phát sinh tranh chấp với ông S. Tại đơn khởi kiện, ông A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S trả lại diện tích đất là 1.157m² tại thửa 508 tờ bản đồ số 13, tọa lạc ấp Cai Đ, xã Châu Th, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. Nay ông A chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S trả lại diện tích đất theo đo đạc thực tế là 591,4m², diện tích đất chênh lệch giữa đơn khởi kiện với đo đạc thực tế là 565,6m², ông A rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất 565,6m².

Theo bị đơn ông Lê Hoàng S (khi còn sống) trình bày:

Nguồn gốc đất đang tranh chấp với ông Nguyễn Văn A là của cụ Lê Văn Ng và cụ Nguyễn Thị B (cha mẹ ruột ông S) khai phá. Năm 1994, cụ B tặng cho phần đất trên cho ông S, khi tặng cho chỉ nói bằng lời nói không có làm giấy tờ, chỉ có bà Lê Thị Hoàng O chứng kiến. Phần đất này là đất biên bãi ven sông trồng lá dừa nước do chưa có nhu cầu sử dụng đất nên ông S cho bà Lê Thị Hoàng M mượn sử dụng để thu hoạch lá dừa nước. Do đó, khi Nhà nước làm Sổ mục kê đã ghi tên bà M, hiện phần đất này ông S đã cho bà Ca Kim C mượn đất

để nuôi gà, vịt và trồng cây ăn trái. Ngoài ra, phía giáp với đất bà Ca Kim C có 01 đường nương do cụ Ng đào trước năm 1975, gia đình cụ Ngh (cha ông A) hỏi đường nương trên cho xuống ghe đi nhờ vào nhà của cụ Ngh. Ông S xác định phần đất trên là của gia đình ông S, không phải là đất của ông A nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông A đòi trả lại diện tích đất theo đo đạc thực tế là 591,4m².

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Hoàng S là bà Lâm Thị M (vợ ông S) xác định: Cha mẹ ông S là ông Lê Văn Ng và bà Nguyễn Thị B chết cách nay đã lâu. Bà và ông S chung sống với nhau không có con chung, chỉ có một người con nuôi tên Lê Thị Diễm L, nhận nuôi từ nhỏ (khoảng 01 tháng tuổi), đã làm thủ tục nhận nuôi con nuôi và làm giấy khai sinh cho Diễm L. Chị Lê Thị Diễm L đi lao động tại Trung Quốc cách nay khoảng 04 năm nhưng không rõ địa chỉ cụ thể. Bà M thống nhất với lời trình bày của ông S, không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị Đ trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A đòi ông Lê Hoàng S trả lại diện tích đất tranh chấp theo đo đạc thực tế là 591,4m².

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ca Kim C trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của ông Lê Hoàng S. Hiện trạng đất trước đây là biển lá, khi Nhà nước nạo vét sông Cai Điều đổ đất lên bờ làm chết lá dừa nước và con nương của gia đình ông S, do ông S chưa có sử dụng đất nên bà C hỏi mượn ông S phần đất này để trồng một số cây ăn trái, trăm bông vàng để sử dụng và nuôi gà vịt. Nay giữa ông A với ông S phát sinh tranh chấp đối với diện tích đất theo đo đạc thực tế là 591,4m², trên đất có 03 cây trăm bông vàng trường hợp Tòa án tuyên xử xác định đất tranh chấp là của ông A thì bà C đồng ý chặt 03 cây trăm bông vàng và trả lại đất cho ông A. Trường hợp Tòa án xác định đất tranh chấp là của ông S, khi nào ông S đòi bà trả lại đất thì bà cũng đồng ý chặt cây trả đất cho ông S. Ngoài ra, bà C không có ý kiến gì khác.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Hoàng M, Lê Thị Hoàng O và bà Lê Thị Th trình bày: Thống nhất với ý kiến của ông Lê Hoàng S, không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Từ nội dung trên, Bản án số 64/2022/DS-ST ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi quyết định:

1. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A về việc yêu cầu ông Lê Hoàng S trả lại diện tích 565,6m². Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A đối với ông Lê Hoàng S về việc yêu cầu Lê Hoàng S trả lại diện tích đất 565,6m².

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A đối với Lê Hoàng S về việc yêu cầu ông Lê Hoàng S trả lại diện tích đất theo đo

đặc thực tế là 591,4m² tại thửa 92, tờ bản đồ số 40, tọa lạc Cai Đ, xã Châu Th, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, ông Nguyễn Văn A là nguyên đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị Đ, bà Ca Kim C trình bày ý kiến tranh luận: Đất tranh chấp là của cha mẹ cho ông Lê Hoàng S, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn A. Đề nghị: Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án số 64/2022/DS-ST ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn A gửi đến Tòa án còn trong thời hạn luật định và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hoàng S là bà Lâm Thị M, chị Lê Thị Diễm L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; bà Lê Thị Hoàng M, bà Lê Thị Hoàng O, bà Lê Thị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; xét thấy sự vắng mặt của các đương sự không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố

tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên là đúng quy định pháp luật.

[1.3] Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, tại biên bản lấy lời khai ngày 14/12/2022, bà Lâm Thị M là vợ ông Lê Hoàng S trình bày ông S bị bệnh chết ngày 16/9/2022 nên cấp phúc thẩm tiến hành xác minh thu thập chứng cứ gồm: Trích lục khai tử ông Lê Hoàng S, sổ hộ khẩu và giấy khai sinh. Do đó, có căn cứ xác định ông Lê Hoàng S có vợ là Lâm Thị M và một người con là chị Lê Thị Diễm L là người thừa kế hàng thứ nhất của ông S. Ngày 11/01/2023, Tòa án cấp phúc thẩm ban hành Thông báo đưa người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông S tham gia tố tụng là bà Lâm Thị M và chị Lê Thị Diễm L là đúng quy định tại khoản 1 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Qua xác minh, chị Lê Thị Diễm L hiện đang cư trú tại Trung Quốc, theo bà Minh xác định trước đây chị L sống chung nhà với bà M và ông S tại Ấp Phước Th 1, xã Long Th, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. Cách nay hơn 04 năm, chị L đi qua Trung Quốc sinh sống, bà M không biết địa chỉ cụ thể của chị L nên không cung cấp cho Tòa án. Đồng thời qua xác minh ông Trần Quan Kh là Trưởng Ấp Phước Th 1, xã Long Th, huyện VL cũng xác định trước đây chị L sinh sống tại nhà ông S, bà M nhưng cách nay hơn 04 năm chị Loan qua Trung Quốc sinh sống không rõ địa chỉ.

Do không xác định được địa chỉ hiện tại ở Trung Quốc của chị Lê Thị Diễm L nên Tòa án không thể tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp, Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của chị L trước khi chị L đi Trung Quốc là Ấp Phước Th 1, xã Long Th, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu là đúng quy định tại khoản 2 Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Qua xác minh ông Trần Quan Kh là Trưởng Ấp Phước Th 1, xã Long Th, huyện VL xác định bà Lê Thị A chết khoảng tháng 11 năm 2022, không chồng con nên Tòa án không xác định người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị A.

Do xác định được người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hoàng S và họ đồng ý tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông S tại giai đoạn phúc thẩm và các đương sự còn lại trong vụ án cũng không có ý kiến nên cấp phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án mà không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/6/2021 (Bút lục số 73-75) và Mảnh trích đo địa chính lập ngày 14/7/2021 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu (Bút lục số 81) thể hiện: Phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế có diện tích 591,4m²

thuộc thửa đất số 92, tờ bản đồ số 40, tọa lạc ấp Cai Đ, xã Châu Th, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí số đo như sau:

- Hướng Đông giáp đất bà Ca Thị C có số đo 30,45m;
- Hướng Tây giáp đất ông Lê Văn Th có số đo 32,99m;
- Hướng Nam giáp rạch Cai Điều có số đo 14,50m + 4,55m;
- Hướng Bắc giáp lộ bê tông có số đo 4,54m + 4,58m + 8,56m + 1,32m

Hiện trạng là đất vườn tạp, trên đất có trồng 03 cây tràm, 20 cây chuối, 01 cây me và 01 cây dừa đang cho trái.

[2.2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn A yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, thấy rằng:

[2.2.1] Về nguồn gốc đất: Ông Nguyễn Văn A cho rằng diện tích đất tranh chấp theo đo đạc thực tế là 591,4m² là của cụ Nguyễn Văn Ngh và cụ Nguyễn Thị Ch (cha mẹ ruột ông A) tặng cho ông A, hiện trạng là đất biên lá và 01 cái Ụ xuống do cụ Ngh khai phá từ năm 1955 có vị trí phía trước nhà của ông A, bà Đ hiện nay thuộc thửa đất 508, tờ bản đồ số 13. Còn ông Lê Hoàng S cho rằng diện tích đất tranh chấp nêu trên là của cụ Lê Văn Ng và cụ Nguyễn Thị B (cha mẹ ruột ông S) khai phá, trồng lá dừa nước. Năm 1994, cụ B tặng cho ông S làm nền nhà để ở, ông S chưa có nhu cầu sử dụng nên cho bà Lê Thị Hoàng M mượn sử dụng, sau đó bà M trả lại đất cho ông S và ông S cho bà Ca Kim C mượn sử dụng đến nay.

[2.2.2] Quá trình sử dụng đất: Tại biên bản hòa giải ngày 04/3/2021 của Hội đồng hòa giải xã Châu Thới (bút lục 04 – 07) thể hiện: Nguồn gốc đất tranh chấp nêu trên giữa ông A với ông S là của cha mẹ ông S khai phá. Qua xác minh những người dân sinh sống gần khu vực đất tranh chấp:

Bà Đặng Thị Đ trình bày (Bút lục 139-140): *Phần đất tranh chấp là của cha mẹ ông S để lại cho ông S. Khi bà Bẩy còn sống (mẹ ông S) trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất này, trước đây phần đất này là đất biên lá dừa nước do gia đình bà Bẩy trồng và sử dụng lá, đến khi xáng mức đổ đất lên bờ, thời gian sau lá dừa nước chết hết, trong biên lá này có Ụ xuống nối từ sông vào đến nhà của ông Ngh (cha của ông A) và nhà của bà Đ, do ông Ngh hỏi mượn đất của cha mẹ ông S đào để cho xuống ghe vào nhà, gia đình bà Đ cũng sử dụng chung Ụ xuống này. Sau này, gia đình bà Đ đào 01 Ụ xuống khác gần nhà của bà Đ để sử dụng và gia đình ông A cũng bỏ Ụ xuống trước đó để sử dụng chung Ụ xuống của bà Đ đến khi xáng mức lấp Ụ xuống và Nhà nước làm lộ nông thôn như hiện nay. Còn phần đất tranh chấp hiện nay ông S cho bà C mượn sử dụng là giáp đất của bà Đ và ông S...*

Ông Huỳnh Văn K trình bày (Bút lục số 141-142): ...*Trước đây có Ụ xuống từ sông vào đến lộ nông thôn do cha ông A là cụ Ngh sử dụng, còn vì sao cụ Ngh có Ụ xuống này thì không rõ, sau khi cụ Ngh chết thì gia đình ông A sử dụng, đến khi Nhà nước nạo vét sông, xáng mức đổ đất từ dưới sông lên đã lấp mất Ụ xuống này (khoảng năm 1992). Sau đó, ông S cho ông A và bà Đ đào đường mương khác làm Ụ xuống giáp với đất bà Đ, Ụ xuống này hiện nay vẫn còn, ông Th (con bà Đ) sử dụng neo đậu xuồng, ghe và gia đình ông A bơm nước vào ruộng. Từ Ụ xuống trở lên bờ trước đây là biên lá của gia đình ông S trồng và sử dụng, đến khi biên lá chết (do xáng mức), gia đình ông S cho bà M (chị ông S) sử dụng một thời gian thì bà M trả ông S, sau đó ông S cho bà C (cháu ông S) mượn sử dụng đến nay.*

Như vậy, qua xác minh bà Đặng Thị Đ, ông Huỳnh Văn K đều xác định nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha mẹ ông S khai phá và để lại ông S sử dụng đến nay. Còn gia đình ông A chỉ sử dụng nhờ khi phần đất tranh chấp còn là Ụ xuống, đến khi Nhà nước cho xáng mức lấp Ụ xuống (khoảng năm 1992) thì gia đình ông A, gia đình bà Đ không còn sử dụng Ụ xuống này (ngay vị trí đất tranh chấp) mà ông A, bà Đ đào con mương ở phần đất khác để làm Ụ xuống cho gia đình ông A và gia đình bà Đ cùng sử dụng, bản thân bà Đ là người sử dụng Ụ xuống và có phần đất giáp ranh đất với ông S cũng thừa nhận. Do đó, lời trình bày của bà Đ và ông K là hoàn toàn khách quan, có căn cứ chấp nhận.

[2.2.3] Quá trình đăng ký kê khai: Theo công văn số 264/TNMT ngày 14/12/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh Lợi (Bút lục số 94) xác định: “*Phần đất phát sinh tranh chấp 591,4m² hiện không nằm trong phạm vi đất bảo lưu sông hoặc đất bảo lưu lộ giới. Đối với diện tích có chênh lệch giữa kết quả đo đạc thực tế đất tranh chấp và diện tích trong thửa đất số 508, tờ bản đồ số 13 là do phần diện tích đất tranh chấp không nằm trong thửa đất số 508, tờ bản đồ số 13. Theo kết quả kiểm tra trên bản đồ chính quy và Sổ mục kê thì phần đất tranh chấp trước đây nằm trong thửa số 92, tờ bản đồ số 40 do bà Lê Thị Hoàng M đứng tên, nhưng nay do thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị Hoàng M thuộc tỉnh Minh Hải cấp nên thửa đất số 92 đã tách thành hai thửa đất mới: một là thửa đất số 104, thửa đất còn lại được cho số thửa mới là số 105, tờ bản đồ số 40 vẫn do bà Lê Thị Hoàng M đứng tên trong sổ mục kê...*”

Như vậy, có đủ cơ sở xác định diện tích đất tranh chấp 591,4m² theo bản đồ chính quy nằm trong thửa 92, tờ bản đồ số 40 do Lê Thị Hoàng M (chị ruột ông S) đứng tên trong Sổ mục kê, không nằm trong thửa đất số 508, tờ bản đồ số 13 như lời trình bày của ông A; phù hợp với lời trình bày của ông S và những người làm chứng nêu trên.

Mặt khác, các phần đất nhà ở, vườn tạp, trồng lúa của ông A, bà Đ đang quản lý, sử dụng và được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Lợi cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số phát hành 555612, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00413/QSĐĐ/459/1999 ngày 13/6/2003 tại thửa 331 tờ bản đồ số 12 và các thửa 447, 453 tờ bản đồ số 13, diện tích 33.997m² đất tọa lạc ấp Cai Đ, xã Châu Th, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu, nhưng ông A không có đăng ký, kê khai đối với thửa đất tranh chấp nêu trên, mà chỉ kê khai đăng ký đối với các phần đất nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông A không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh phần đất tranh chấp là của ông A. Nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A đòi ông S trả lại diện tích đất tranh chấp nêu trên là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Bản án dân sự sơ thẩm là đúng quy định pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn A; chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án số 64/2022/DS-ST ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm 64/2022/DS-ST ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do ông Nguyễn Văn A kháng cáo không được Tòa án chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng. Nhưng do ông Nguyễn Văn A là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên ông Nguyễn Văn A được miễn toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn A. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2022/DS-ST ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 218; khoản 2 Điều 219; khoản 2 Điều 244, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật Đất đai; điểm a khoản 1 Điều 24, các khoản 1, 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A đối với ông Lê Hoàng S về việc yêu cầu ông Lê Hoàng S trả lại diện tích đất 565,6m².

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A về việc yêu cầu ông Lê Hoàng S trả lại diện tích đất theo đo đạc thực tế là 591,4m² thuộc thửa đất số 92, tờ bản đồ số 40, tọa lạc ấp Cai Đ, xã Châu Th, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu có vị trí số đo như sau:

- Hướng Đông giáp đất bà Ca Thị C số đo 30,45m;
- Hướng Tây giáp đất ông Lê Văn Th số đo 32,99m;
- Hướng Nam giáp rạch Cai Điều số đo 14,50m + 4,55m;
- Hướng Bắc giáp lộ bê tông có số đo 4,54m + 4,58m + 8,56m + 1,32m

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Nguyễn Văn A phải chịu 3.240.570 đồng. Ông A đã nộp đủ số tiền trên và đã chi phí hết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn A được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm.

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm 64/2022/DS-ST ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Vĩnh Lợi;
- CCTHADS huyện Vĩnh Lợi;
- đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Huỳnh Thị Kiều Anh

